

Số: 37 /UBND-VP

Vĩnh Hòa, ngày 21 tháng 9 năm 2023

“V/v thực hiện các khoản thu
trong các nhà trường năm học 2023-2024 “

Kính gửi:

- **Hiệu trưởng các nhà trường;**
- **Các tổ chức cá nhân, trên địa bàn xã Vĩnh Hòa;**
- **Hội trưởng Hội cha mẹ học sinh;**

Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND, ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý, sử dụng học phí tại các trường mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2021-2022;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND, ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về quy định mức thu học phí và danh mục các khoản thu mức thu, cơ chế thu, chi đối với các dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Công văn số 759/UBND-GDĐT, ngày 13/9//2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang về việc thực hiện các khoản thu trong các nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của các cấp về việc thực hiện các khoản thu, đóng góp năm học 2023-2024;

Thực hiện nội dung kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Hội đồng giáo dục xã tại buổi làm việc ngày 20 tháng 9 năm 2023, giữa UBND xã với Lãnh đạo các nhà trường và các Hội trưởng Hội cha mẹ học sinh. Nhằm tăng cường công tác quản lý, sử dụng các khoản thu tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã trong năm học 2023-2024. Ủy ban nhân dân xã thông báo các trường: Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở (THCS), thực hiện tốt một số nội dung cụ thể như sau:

I.CÁC KHOẢN THU ĐÓNG GÓP NĂM HỌC 2023-2024

1. Đối với các khoản thu tại trường Mầm non Vĩnh Hòa.

TT	Nội dung thu	Mức thu tại đơn vị	Hình thức thu
1	Học phí		
	Nhà trẻ	125.000đ/tháng	Theo kỳ
	Mẫu giáo	105.000đ/tháng	
2	Các khoản thu phục vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục tại các trường		
2.1	Bán trú		
	2.1.1. Tiền ăn	17.000đ/ngày	Theo tháng
	2.1.2. Tiền chất đốt, điện, nước nấu ăn, chất tẩy rửa	40.000đ/tháng	
	- Tiền chất đốt, tiền điện	29.000đ/tháng	
	- Tiền nước nấu ăn.	9.000đ/tháng	

	- Tiền nước tẩy rửa	2.000đ/tháng	
	2.1.3. Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú	192.000đ/tháng	
	- Tiền trả người nấu ăn	60.000đ/tháng	
	- Tiền trực trưa, quản lí (90% GV trực trưa; 10% QL)	132.000đ/tháng	
2.2.	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá nhân cho trẻ bán trú lần đầu	200.000đ/năm	Theo năm học
2.3	Tiền dạy trẻ Mẫu giáo làm quen với Tiếng Anh	5.000đ/tiết 1 tuần 2 tiết	Theo kỳ
2.4	Tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu		
	2.3.1. Nhà trẻ	200.000đ/năm	Theo năm học
	2.3.2. Mẫu giáo 3 + 4 tuổi	250.000đ/năm	
	2.3.3. Mẫu giáo 5 tuổi	300.000đ/năm	
2.5	Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh	20.000đ/tháng	Theo kỳ
	2.4.1. Tiền vệ sinh sân trường, vườn trường	1.500đ/tháng	
	2.4.2. Tiền vệ sinh lớp học	4.000đ/tháng	
	2.4.3. Tiền hợp đồng thu gom rác thải	1.500đ/tháng	
	2.4.4. Tiền dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn	13.000đ/tháng	
2.6	Nước uống tinh khiết	7.000đ/tháng	Theo năm học
3	Thu góp tự nguyện		
	Bảo hiểm thân thể	200.000đ/năm	Theo năm học

2. Đối với các khoản thu tại trường Tiểu học Vĩnh Hòa.

TT	Nội dung thu	Mức thu tại đơn vị	Hình thức thu
1	Học phí	Không thu	
2	Tiền trông giữ xe	10.000đ/1 HS/1 tháng học sinh thực tế đến trường, đối với những HS đăng ký gửi xe đạp	Thu tiền mặt PH có thể nộp theo kì hoặc cuối năm học. Quyết toán theo năm học
3	Tiền BHYT	680.400đ/1HS/12 tháng	Thu tiền mặt Tháng 9 với HS lớp 1 Tháng 12 đối với HS K2-K5
4	Các khoản thu phục vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục tại các trường học		
4.1	Bán trú	-Hợp đồng đặt suất ăn của công ty 21.000đ/suất/bữa -Chăm sóc, phục vụ: 6000đ/buổi trưa -Phụ phí: 1000đ/buổi -Thu mua sắm dụng cụ: 20.000đ/tháng	Thu tiền mặt Thu vào đầu mỗi tháng và quyết toán thực tế từng HS vào cuối mỗi tháng.
4.2	Dạy 2 buổi/ngày	5000đ/HS/tiết	Thu tiền mặt Thu theo học kì Quyết toán theo học kì
4.3	Học thêm tiếng nước ngoài	40.000đ/HS/tiết	Thu tiền mặt Thu theo kì Quyết toán theo năm học

4.4	Dạy KNS đối với HS (do tổ chức được cấp phép triển khai tại nhà trường: Trung tâm KNS SKIILEDU)	12.000đ/HS/tiết	Thu tiền mặt Thu theo kì Quyết toán theo năm học
4.5	Dịch vụ tin nhắn, sổ liên lạc điện tử	10.000đ/HS/tháng	Thu tiền mặt Thu theo kì Quyết toán theo năm học
4.6	Thẻ học sinh (không tích hợp với thẻ ngân hàng)	25.000đ/HS/lần cấp; (HS lớp 1 và HS bị mất thẻ)	Thu tiền mặt Thu theo lần cấp/HS
4.7	Hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ (do tổ chức được cấp phép triển khai tại nhà trường sáng thứ bảy: Trung tâm KNS SKIILEDU)	8000đ/HS/tiết	Thu tiền mặt Thu theo kì Quyết toán theo năm học.
4.8	Nước uống cho học sinh	7000đ/tháng/HS học sinh thực tế đến trường,	Thu tiền mặt Thu theo kì Quyết toán theo năm học.
4.9	Vệ sinh trường lớp, nhà vệ sinh (bao gồm tiền lao công, dụng cụ vệ sinh, giấy vệ sinh, nước tẩy rửa, lau sàn, thu gom xử lý rác thải)	20.000đ/HS/tháng	Thu tiền mặt Thu theo kì Quyết toán theo năm học.

3. Đối với các khoản thu tại trường THCS Vĩnh Hòa.

TT	Nội dung thu	Mức thu	Hình thức thu
1	Học phí	85.000đ/tháng	Thu theo tháng
2	Bảo hiểm y tế	56.700đ/tháng	Thu tháng 12/2023
3	Tiền trông giữ xe		
	<i>Xe đạp</i>	<i>10.000đ/1 tháng</i>	Thu theo tháng
	<i>Xe máy điện</i>	<i>20.000đ/1 tháng</i>	Thu theo tháng
4	Đồng phục: Theo yêu cầu và đăng ký phụ huynh học sinh (tự nguyện- không ép)		
5	Tiền dịch vụ tin nhắn điện tử	10.000đ/ 1 tháng	Thu theo kì
6	Kỹ năng sống	12.000đ/ 1 tiết	Thu theo kì (<i>chỉ học 5/9 tháng</i>)
7	Nước uống	7.000đ/tháng	<i>Thu theo tháng</i>
8	Vệ sinh trường, lớp	15.000đ/1 tháng	<i>Thu theo tháng</i>
9	Dạy thêm, học thêm	7.000đ/1 tiết	Thu theo kì (<i>Kì I, thu tháng 12</i>)
10	Bảo hiểm thân thể	200.000đ/năm	Thu vào tháng 9 (<i>đã quyết toán với công ty Quân đội-MIC</i>)
11	Dự kiến vận động tài trợ	126.820.500đ (Toàn trường)	Thu tiền mặt hoặc hiện vật
12	Thẻ học sinh (không tích hợp với thẻ ngân hàng)	30.000đ/HS/lần cấp; (HS lớp 1 và HS bị mất thẻ)	Thu tiền mặt Thu theo lần cấp/HS (<i>Chưa thu</i>)

II. Các nguồn tài trợ

Các trường được phép tiếp nhận các khoản tài trợ bằng tiền, hiện vật hoặc phi vật chất từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Căn cứ vào kế hoạch hoạt động năm học và dự toán ngân sách được cơ quan nhà nước giao, định kỳ hoặc đột xuất, Hiệu trưởng các nhà trường xây dựng kế hoạch vận động tài trợ (*phải xác định rõ nội dung, mục đích, đối tượng thụ hưởng, dự toán kinh phí và kế hoạch triển khai hoạt động cần tài trợ*); Tổ chức Hội nghị để lấy ý kiến góp ý trong Ban Chỉ ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh. Kế hoạch vận động tài trợ phải được thông qua Hội đồng trường, báo cáo UBND cấp xã .

Việc vận động tài trợ phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của nhà trường, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không ép buộc, không quy định mức tài trợ bình quân, không quy định mức tài trợ tối thiểu, không lợi dụng việc tài trợ cho giáo dục để ép buộc đóng góp và không coi huy động tài trợ là điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo. Việc vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ phải được công bố, niêm yết công khai tại các nhà trường và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành

III. Kinh phí hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ban đại diện cha mẹ học sinh trực tiếp huy động và sử dụng đúng mục đích, hiệu quả; công khai minh bạch đến toàn thể cha mẹ học sinh vào cuối học kỳ và cuối năm học.

Trên đây là toàn bộ nội dung thông báo, về việc thu, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp, tài trợ tại các trường trên địa bàn xã năm học 2023-2024. Ngoài các khoản thu trên yêu cầu Hiệu trưởng các trường: Mầm non; Tiểu học; THCS, không được phép thu thêm các khoản thu khác khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy; TT. HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Thiêm